

CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH HSSV ĐƯỢC HƯỞNG KHI HỌC TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG HUẾ

I. Chế độ miễn giảm, học phí:

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025.

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2021 của Ủy ban dân tộc về việc Phê duyệt danh sách các thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025.

Căn cứ Thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 06 năm 2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ – CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

* Đối tượng và hồ sơ xét miễn, giảm học phí

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ (Các bản sao phải có chứng thực hoặc mang theo bản chính để đối chiếu)
A	Đối tượng miễn học phí	
1	Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Cụ thể như sau: a. Người có công với cách mạng: theo khoản 1, Điều 3, Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14	1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu); 2. Bản sao giấy xác nhận đối tượng do cơ quan quản lý đối tượng người có công và Ủy ban nhân dân (UBND) xã/phường xác nhận.

	<p>Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020.</p> <p>b. Thân nhân của người có công với cách mạng:</p> <p>Bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh, sinh viên (HSSV) là con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến. - HSSV là con của liệt sỹ - HSSV là con thương binh - HSSV là con bệnh binh - HSSV là con của của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. 	
2	HSSV khuyết tật, tàn tật.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu); 2. Bản sao giấy xác nhận khuyết tật do UBND xã/phường cấp.
3	Mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP; 2. Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.
4	HSSV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP (theo mẫu); 2. Bản sao giấy khai sinh; 3. Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.
5	HSSV là người dân tộc thiểu số rất ít người (bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự Ngái, Chút, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, Ó Đu) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP; 2. Bản sao căn cước công dân.
6	Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị MGHP;
	1. Đối tượng giảm 70% học phí và hồ sơ	Hồ sơ

		2. Bản sao bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời .
1	HSSV là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	1. Đơn đề nghị MGHP; 2. Bản sao căn cước công dân.
2	HSSV học các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định.	1. Đơn đề nghị MGHP;
	2. Đối tượng được giảm 50% học phí	Hồ sơ
1	HSSV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	1. Đơn đề nghị MGHP; 2. Bản sao sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.

Lưu ý:

- Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại nhà trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

- Không áp dụng miễn, giảm học phí đối với trường hợp đang hưởng lương và sinh hoạt phí khi đi học.

- Miễn, giảm học phí không áp dụng khi HSSV học lại, học cải thiện điểm, học trả nợ.

- HSSV thuộc diện miễn, giảm học phí mà cùng lúc hưởng nhiều chính sách khác nhau chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

- HSSV thuộc diện miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với HSSV trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học khác cùng cấp học và trình độ đào tạo.

- Đối với HSSV thuộc đối tượng miễn, giảm học phí liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo nếu được tiếp tục gia hạn khi hết giá trị sử dụng để làm căn cứ xét miễn, giảm học phí cho kỳ tiếp theo.

II. Chính sách nội trú (CSNT), các khoản hỗ trợ khác

Căn cứ Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 1312/VBHN - BLĐT BXH ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú.

1. Đối tượng, hồ sơ xét chính sách nội trú

TT	ĐỐI TƯỢNG	MỨC HƯỞNG	HỒ SƠ (Các bản sao phải chứng thực hoặc mang theo bản chính để đối chiếu)
A	Học bổng chính sách nội trú		
1	Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật	100% mức tiền lương cơ sở/tháng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị cấp CSNT (theo mẫu); 2. Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (đối với đối tượng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo); 3. Bản sao giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã/phường cấp hoặc Quyết định của UBND cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật sống tại cộng đồng (đối với đối tượng

			người dân tộc thiểu số là người khuyết tật).
2	Người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú	80% mức tiền lương cơ sở/tháng	1. Đơn đề nghị cấp CSNT; 2. Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy tốt nghiệp tạm thời.
3	Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo hoặc là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.	60% mức tiền lương cơ sở/tháng	1. Đơn đề nghị MGHP; 2. Căn cước công dân. 3. Bản sao giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã/phường cấp hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật tại cộng đồng (đối tượng người dân tộc Kinh là người khuyết tật); 4. Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (đối tượng người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo);
B	Các khoản hỗ trợ khác theo Quyết định 53/QĐ-TTg		
	Nội dung	Mức hỗ trợ	Hồ sơ
1	Hỗ trợ mua đồ dung cá nhân như: chăn cá nhân, áo ấm (nếu cần), màn cá nhân, chiếu cá nhân, áo đi mưa và quần áo bảo hộ lao động theo nghề đào tạo;	1.000.000 đồng/khóa đào tạo	

2	Hỗ trợ HSSV ở lại trường trong dịp tết Nguyên Đán	150.000 đồng/HSSV	Giấy xác nhận ở lại trường trong dịp tết Nguyên đán (giấy xác nhận này phải nộp hàng năm)
3	Hỗ trợ tiền đi lại mỗi năm một lần tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại.	<ul style="list-style-type: none"> - Mức 300.000 đồng/năm đối với HSSV các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; - Mức 200.000 đồng/năm đối với các đối tượng còn lại. 	

Ghi chú: HSSV không được hưởng học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác trong các trường hợp sau:

- HSSV bị kỷ luật bị buộc thôi học hoặc nghỉ ốm đau, tai nạn không thể tiếp tục theo học.
- Trong thời gian bị đình chỉ học tập (có thời hạn), trừ trường hợp ốm đau, tai nạn, học lại hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận.
- Trong thời gian bị tạm giam, tạm giữ
- HSSV thuộc diện hưởng chính sách nội trú nộp hồ sơ 01 lần vào đầu khóa học. Riêng giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu), giấy xác nhận ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán phải nộp hàng năm.
- HSSV thuộc diện chính sách nội trú nếu gia đình thuộc diện đã thoát nghèo thì HSSV có trách nhiệm thông báo cho Nhà trường để dừng việc chi trả các chế độ chính sách cho kỳ tiếp theo.

II. Hỗ trợ chi phí học tập

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

1. Đối tượng, mức hưởng và hồ sơ xét hỗ trợ chi phí học tập:

Đối tượng	Mức hưởng	Hồ sơ
HSSV là người dân tộc thiểu số học Cao đẳng hệ chính quy thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước.	60% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 10 tháng /năm học/ sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.	1. Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học học tập(theo mẫu); 2. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã/phường/thị trấn cấp (bản sao có công chứng); 3. Giấy khai sinh (bản sao có công chứng).

Lưu ý:

- Sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải nộp hồ sơ 01 lần vào đầu năm học. Trong năm học, nếu gia đình thuộc diện đã thoát nghèo thì sinh viên có trách nhiệm nộp văn bản chứng nhận hộ đã thoát nghèo để dừng việc chi trả chi phí học tập cho kỳ tiếp theo.

- Đối với sinh viên chưa thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập, nếu trong năm học, gia đình sinh viên được bổ sung diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì nộp bổ sung đối tượng hưởng chính sách làm căn cứ chi trả chi phí học tập trong kỳ tiếp theo. Thời gian được hưởng theo hiệu lực của Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

III. Trợ cấp xã hội :

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 28 tháng 3 năm 2002 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Đối tượng và hồ sơ xét trợ cấp xã hội

Đối tượng	Mức hưởng	Hồ sơ (Bản sao công chứng
------------------	------------------	-----------------------------------

<p>Đối tượng 1: Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao.</p>	<p>140.000 đồng/ tháng</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. 01 đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theomẫu); 2. Giấy chứng nhận của UBND xã/phường/thị trấn về thường trú ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường); 3. 01 Căn cước công dân; 4. 01 Giấy khai sinh.
<p>Đối tượng 2: Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.</p>	<p>100.000 đồng/tháng</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. 01 đơn xin nhận trợ cấp xã hội; 2. 01 giấy chứng tử của cha và mẹ; 3. 01 Giấy khai sinh; 4. Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của UBND xã/ phường/ thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú về hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nguồn cung cấp tài chính thường xuyên.
<p>Đối tượng 3: sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định</p>	<p>100.000 đồng/tháng</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. 01 đơn xin nhận trợ cấp xã hội; 2. 01 biên bản giám định y khoa (có ghi rõ tỷ lệ) 3. Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.
<p>Đối tượng 4: Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện xóa đói giảm nghèo.</p>	<p>100.000 đồng/tháng</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. 01 đơn xin nhận trợ cấp xã hội; 2. 01 giấy chứng nhận là hộ đói nghèo do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp; 3. Có điểm rèn luyện và điểm trung bình học tập trong kỳ được loại tốt trở lên. <p>(Sinh viên thuộc đối tượng này phải làm lại hồ sơ xét TCXH mỗi kỳ).</p>

IV. Chính sách vay vốn sinh viên:

Căn cứ Quyết định 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/9/2009 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Căn cứ Quyết định 05/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/3/2002 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Đối tượng: Toàn thể HSSV đang theo học tại trường Cao đẳng Huế có nhu cầu vay vốn.

Hồ sơ: Giấy xác nhận vay vốn

